

Số: 29/2021/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 19 tháng 01 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 648/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Hoàng Trọng H, sinh năm 1971.

Địa chỉ: 20/18 T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Chị Nguyễn Thị Ngh, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 20/18 T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Trọng H và chị Nguyễn Thị Ngh có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 22/11/2006, nên là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vào khoảng năm 2014 đến nay, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm và lối sống. Nên anh H và chị Ngh yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Hoàng Trọng H và chị Nguyễn Thị Ngh xác nhận có 03 con chung là Hoàng Gia Bảo Ch, sinh ngày 11/6/2007, Hoàng Gia Bảo Tr, sinh ngày 29/01/2010 và Hoàng Trọng Gia Ph, sinh ngày 31/5/2017. Hai bên thỏa thuận giao 02 cháu Ch và Tr cho anh H nuôi dưỡng, giao cháu Ph cho chị Ngh nuôi dưỡng cho đến khi 03 cháu đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên thỏa thuận không yêu cầu cấp dưỡng.

[3] Về tài sản chung: Anh Hoàng Trọng H và chị Nguyễn Thị Ngh tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Hoàng Trọng H và chị Nguyễn Thị Ngh xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Hoàng Trọng H và chị Nguyễn Thị Ngh mỗi người phải chịu 150.000đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng mà anh H và chị Ngh đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002084 ngày 14/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên H, nên anh H và chị Ngh không phải nộp tiếp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Trọng H và chị Nguyễn Thị Ngh thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Hoàng Trọng H và chị Nguyễn Thị Ngh xác nhận vợ chồng có 03 con chung là Hoàng Gia Bảo Ch, sinh ngày 11/6/2007, Hoàng Gia Bảo Tr, sinh ngày 29/1/2010 và Hoàng Trọng Gia Ph, sinh ngày 31/5/2017. Anh H và chị Ngh thỏa thuận giao 02 con chung cháu Ch và cháu Tr cho anh H nuôi dưỡng, giao cháu Ph cho chị Ngh nuôi dưỡng cho đến khi 03 cháu đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên thỏa thuận không yêu cầu cấp dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Hoàng Trọng H và chị Nguyễn Thị Ngh tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Hoàng Trọng H và chị Nguyễn Thị Ngh xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Hoàng Trọng H và chị Nguyễn Thị Ngh mỗi người phải chịu 150.000đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng mà anh H và chị Ngh đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002084 ngày 14/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, nên anh H và chị Ngh không phải nộp tiếp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP H;
- TAND tỉnh TT Huế;
- Chi cục THADS TP H;
- Các đương sự;
- UBND phường T, TP H  
(ĐKKH số 64, quyền số: 01/2006  
ngày 22/11/2006);
- Lưu HCTP;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Trần Dũng**